

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 5 - 2018

“Về việc ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hành

Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018. Về việc “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị B, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Rạch Muối, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Qu, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Hiệp, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2018 và tại phiên tòa chị Quách Thị B (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị B và anh Qu được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Chị B cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân khoảng tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Qu sống không chung thủy với chị nên chị không thể chấp nhận được, việc làm của anh Qu đã được hai bên cha mẹ hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng anh Qu không

thay đổi. Chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị B yêu cầu xin được ly hôn với anh Qu.

Về con chung: Chị B trình bày vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thị Khánh B, sinh ngày 16/3/2006, hiện con đang sống với anh Qu khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2017, vợ chồng sống ly thân thì con đang học lớp 6, đến khi chị về bên cha mẹ ruột thì anh Qu cho con nghỉ học. Sau khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi con để cho con được học lại, chị không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Chị B trình bày vợ chồng không nợ thu ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn Qu, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh Qu biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2018 nhưng anh Qu không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ anh Qu để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Qu không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị B, Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Qu vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Qu được quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Văn Qu có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Quách Thị B khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn Qu nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị B và anh Trần Văn Qu xác lập quan hệ hôn nhân năm 2005 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị B và anh Qu không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3

Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị B và anh Qu là vợ chồng.

[3] Về nuôi con: Chị B trình bày vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thị Khánh B, sinh ngày 16/3/2006, hiện con đang sống với anh Qu. Sau khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, con hiện nay đang sống với anh Qu từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay, nhưng anh Qu không tạo điều kiện để cháu Khánh B được đi học, hiện nay anh Qu không có công việc làm ổn định, thường đi khỏi địa phương. Đồng thời, tại giấy xác nhận của Trường THCS Trần Quốc Toàn ngày 08/5/2018 thì hiện nay cháu Trần Thị Khánh B đã bỏ học. Hơn nữa chị B có nhà ở, có công việc làm ổn định, mức thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng. Mặc dù tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2018 thì nguyện vọng cháu Trần Thị Khánh B được sống với anh Qu. Để tạo điều kiện cho cháu Trần Thị Khánh B được đi học nhằm đảm bảo tương lai cho cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị B, giao cháu Trần Thị Khánh B, sinh ngày 16/3/2006 cho chị Quách Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn Qu không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu, anh Qu không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ thu và nợ trả: Chị B trình bày vợ chồng không có không nợ thu và cũng không có nợ trả, không yêu cầu, anh Qu không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51, 56, 81, 82, và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Quách Thị B và anh Trần Văn Qu là vợ chồng.

- Về con chung: Buộc anh Trần Văn Qu giao cháu Trần Thị Khánh B, sinh ngày 16/3/2006 cho chị Quách Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Qu không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Qu không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị B có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004124 ngày 29/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Qu được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- CCTHA huyện Cái Nước;
- Dương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính